TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày 24 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Bách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chảo Phù Hiển
2. Ông Trần Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Mùa Thị D sinh ngày 01 tháng 01 năm 1958 tại xã Kim Nọi, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Nơi thường trú: Bản Púng Pá Kha, xã Nà Bủng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; Thẻ CCCD: 011158002411; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa Nghìa V sinh năm 1943 (đã chết) và con bà Giàng Thị M sinh năm 1945 (đã chết); Bị cáo Mùa Thị D có chồng tên là Giàng A M sinh năm 1956. Có 11 con, lớn nhất 38 tuổi, nhỏ nhất 20 tuổi. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vị phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo Mùa Thị D bắt tạm giữ từ ngày 26 tháng 02 năm 2024 đến ngày 06 tháng 03 năm 2024, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

- Người phiên dịch: Giàng A Cáng sinh năm 1995.

Trú tại: Bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Người bào chữa cho bị cáo Mùa Thị D: Bà Giàng Thị Nhung trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2024 bị cáo Mùa Thị D đang cho lợn ăn tại lán nương của gia đình thuộc bản Púng Pá Kha, xã Nà Bủng, huyện

Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên thì gặp một người đàn ông khoảng 70 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở đâu. Qua nói chuyện biết người đàn ông này có ma túy bán. Bị cáo Mùa Thị D đã mua được của ông ta 01(một) gói Heroine và 01(một) gói Methamphetamine với số tiền là 100.000 đồng, mua bán xong người đàn ông đó đi đâu bị cáo không biết, còn bị cáo Mùa Thị D cất đi để sử dụng. Vào hồi 16 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2024 bị tổ công tác Đồn biên phòng Nà Bủng phối hợp Công an xã Nà Bủng phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng vụ án và đưa về Công an huyện Nậm Pồ để làm rõ.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 Công an huyện Nậm Pồ cùng với Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng, khối lượng Heroine là 0,5 gam và khối lượng Methamphetamine là 0,2 gam thu giữ của Mùa Thị D.

Bản kết luận giám định số: 452/KL-KTHS ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Mùa Thị D có khối lượng: 0,5 gam chất bột màu trắng đục, ký hiệu H là chất ma túy: Loại Heroine và 0,2 gam các viên nén màu hồng, ký hiệu M là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Hoàn lại đối tượng giám định có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng kèm theo.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSNP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ đã truy tố Mùa Thị D để xét xử về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Mùa Thị D từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng đến **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án. Áp dụng Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Mùa Thị D không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo dẫn đến nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xem xét xử phạt cho bị cáo Mùa Thị D mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS về hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí với nội dung truy tố trong Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Mùa Thị D nhất trí với lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung; không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội bị cáo thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng đã có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 08 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2024 bị cáo Mùa Thị D đang cho lợn ăn tại lán nương của gia đình thuộc bản Púng Pá Kha, xã Nà Bủng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên thì gặp một người đàn ông khoảng 70 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở đâu. Qua nói chuyện biết người đàn này có ma túy bán. Bị cáo Mùa Thị D đã mua được của ông ta 01(một) gói Heroine và 01(một) gói Methamphetamine với số tiền là 100.000 đồng, mua bán xong người đàn ông đó đi đâu bị cáo không biết, còn bị cáo Mùa Thị D cất đi để sử dụng. Vào hồi 16 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2024 bị tổ công tác Đồn biên phòng Nà Bủng phối hợp Công an xã Nà Bủng phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Mùa Thị D đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 BLHS.Tổng hai chất ma túy có khối lượng là 0,7 gam.

Việc VKSND huyện Nậm Pồ truy tố bị cáo Mùa Thị D về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo thấy: Đây là vụ án nghiêm trọng về ma túy, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây những tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an, cản trở tới việc thực hiện các chính sách kinh tế, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử lý bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thấy: Chưa bị xử phạt vị phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo

Mùa Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS.

[4] Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Mùa Thị D từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng đến **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần xem xét xử phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; HĐXX xét thấy có căn cứ áp dụng. Đề nghị HĐXX xử phạt mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát. HĐXX xét thấy việc đề nghị của người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông khoảng 70 tuổi bán Heroine và Methamphetamine cho bị cáo; do bị cáo không biết tên, địa chỉ ở đâu do đó không có cơ sở để xử lý trong vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng H: 0,45 gam Heroine; M: 0,17gam Methamphetamine được cho vào 02 (hai) túi nilon màu trắng và tòan bộ bao bì niêm phong.

[8] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngày 10 tháng 7 năm 2024 bị cáo Mùa Thị D đã có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; HĐXX quyết định miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không khiếu nại hoặc ý kiến gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS;

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mùa Thị D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mùa Thị Dung: **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Khấu trừ thời gian tạm giữ là **09** (chín) ngày. Bị cáo Mùa Thị D còn phải chấp hành án là: **01** (một) năm **05** (năm) tháng **21** (hai mười mốt) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án tại trại.

3.Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: H: 0,45 gam Heroine; M: 0,17 gam Methamphetamine được cho vào 02 (hai) túi nilon màu trắng và tòan bộ bao bì niêm phong là vật chứng vụ án Mùa Thị D. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa Công an huyện Nậm Pồ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Mùa Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 7 năm 2024).

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Nậm Pồ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQĐT, NTG Công an huyện Nậm Pồ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Nậm Pồ;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Nậm Pồ;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện Nậm Pồ;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Bách